

Bản án số: 877/2018/HN-PT
Ngày: 25/9/2018.
V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Phan Thị Minh Nguyệt.

Các Thẩm phán: 1/ Bà Phạm Thị Thu Phương.

2/ Ông Lê Thọ Viên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Lê Tấn Đông – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 25 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 72/2018/HN-PT ngày 12 tháng 7 năm 2018 về “tranh chấp ly hôn”

Do bản án dân sự sơ thẩm số 69/2018/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3586/2018/QĐ-PT ngày 13 tháng 8 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 7244/2018/QĐ-PT ngày 30 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đặng Xuân T, sinh năm 1978.

Địa chỉ: 14 C, Phường 1, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trần Thị Thu H- Luật sư Văn phòng luật sư G thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Lâm Ngọc T, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Số F1/20U Ấp 6C, xã D, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Trần Thị Ngọc N và ông Đỗ Ngọc T- Luật sư Hội Bảo vệ quyền trẻ em Thành phố Hồ Chí Minh. (Đều có mặt).

3. Người kháng cáo: Bị đơn bà Lâm Ngọc T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Đặng Xuân T trình bày:

Bà và ông Lâm Ngọc T sống chung có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận số 78 do Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện X, tỉnh Đ cấp ngày 18/8/2005. Thời gian đầu chung sống cuộc sống hôn nhân hạnh phúc nhưng đến cuối năm 2005, vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn và kéo dài hơn mười năm nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống về vùng miền, tính tình trái ngược nhau, chăm sóc, nuôi dạy con cái. Bà T còn gây rối đời tư và công việc của ông. Bà T nghi ngờ ông có mối quan hệ với người phụ nữ khác. Vợ chồng ông sống ly thân từ tháng 9/2016 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên ông yêu cầu được ly hôn với Bà T.

Con chung: Quá trình chung sống, ông và Bà T có 02 con chung là Đặng Lâm N, sinh năm 2006 và Đặng Như Y, sinh năm 2008. Sau khi ly hôn, ông yêu cầu được nuôi trẻ Đặng Lâm N và Bà T nuôi trẻ Đặng Như Y. Ông không yêu cầu Bà T thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con chung. Về thu nhập hàng tháng của ông là 45.000.000 (Bốn mươi lăm triệu) đồng nên ông đủ khả năng để nuôi con và tạo mọi điều kiện về vật chất và tinh thần tốt nhất cho con.

Tài sản chung: Quá trình chung sống ông và Bà T có các tài sản chung gồm: Căn nhà số F1/20U ấp 6C xã D, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh. 01 chiếc xe ô tô hiệu Mitsubishi Jolie mang biển số 51A-113.61. Hai xe mô tô là chiếc SH biển số 59N2- 532.18 và chiếc xe honda Lead biển số 59N2-312.60. Trước khi mở phiên tòa ông đã làm đơn rút không tranh chấp chia tài sản chung.

Nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa ông yêu cầu được nuôi dưỡng cả hai con chung, ông không yêu cầu Bà T cấp dưỡng nuôi con.

Bị đơn ông Lâm Ngọc T trình bày: Bà thống nhất với trình bày của ông Đặng Xuân T về quá trình chung sống, con chung, tài sản chung và nợ chung. Vợ chồng mâu thuẫn từ khoảng 10 năm nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống về vùng miền, nuôi dạy con cái, ông T có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác và không tôn trọng ý kiến của bà trong các vấn đề của cuộc sống vợ chồng. Ông bà đã sống ly thân từ tháng 9/2016 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên việc ông T yêu cầu ly hôn thì Bà T đồng ý.

Con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng bà có 02 con chung là trẻ Đặng Lâm N, sinh năm 2006 và Đặng Như Y, sinh năm 2008. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, bà yêu cầu được nuôi con và yêu cầu ông T thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con chung là 5.500.000 đồng/tháng/01 trẻ. Hiện hai con chung đang sống với bà và bà đã nuôi dạy chăm sóc các con tốt.

Tài sản chung: Quá trình chung sống, vợ chồng bà có các tài sản chung gồm Căn nhà số F1/20U ấp 6C xã D, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh. 01 chiếc xe ô tô hiệu Mitsubishi Jolie mang biển số 51A-113.61. Hai xe mô tô là chiếc SH biển số 59N2- 532.18 và chiếc xe honda Lead biển số 59N2-312.60.

Nợ chung: Bà xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà T vắng mặt tại phiên tòa.

Tại bản án số 69/2018/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 200, Điều 217, điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 107, 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Đặng Xuân T và bà Lâm Ngọc T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 78 do Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện X, tỉnh Đ cấp ngày 18/8/2005 không còn giá trị pháp lý.

2. Con chung: Có 02 con chung là Đặng Lâm N, sinh năm 2006 và Đặng Như Y, sinh năm 2008. Giao con chung là trẻ Nguyên và trẻ Ý cho ông Đặng Xuân T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Phần thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con ông T không yêu cầu. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của ông T.

Bà Lâm Ngọc T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của ông Đặng Xuân T và đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của bà Lâm Ngọc T. Các đương sự được quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

Nợ chung: Các đương sự yêu cầu được giải quyết bằng 01 vụ án khác nên Hội đồng xét xử không xét.

Ngoài ra còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 18 tháng 6 năm 2018, bà Lâm Ngọc T có đơn kháng cáo đối với bản án số 69/2018/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh với nội dung: Tại các biên bản hòa giải, bản tự khai ghi nhận ý kiến của bà cũng như 02 trẻ Đặng Lâm N và trẻ Đặng Như Y đều ghi nhận việc bà được nuôi 02 trẻ cũng như 02 trẻ đều có ý muốn sống với bà. Việc Tòa án nhân dân huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh giao 02 trẻ Đặng Lâm N và trẻ Đặng Như Y cho ông Đặng Xuân T nuôi căn cứ trên thu nhập, điều kiện vật chất mà không quan tâm tới điều kiện tinh thần cũng như nguyện vọng của 02

trẻ là không hợp lý. Mặt khác xét về điều kiện vật chất, bà hoàn toàn đủ khả năng nuôi cả 02 trẻ bởi bà cũng có thu nhập ổn định cũng như có tài sản riêng là bất động sản. Hai trẻ đủ tuổi để quyết định theo cha hay theo mẹ nhưng Tòa án đã không triệu tập để hỏi ý kiến của trẻ. Ngoài ra trong quá trình chung sống ông T đã có hành vi bạo lực gia đình và đã bị Công an xã Vinh Lộc A, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận bằng thông báo số 03/TB-CAVLA ngày 08/01/2018.

Việc Tòa án nhân dân huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh không xét yêu cầu về chia nợ chung của bà là không đúng bởi vấn đề nợ chung là một trong những căn cứ liên quan đến việc mâu thuẫn dẫn đến ly hôn. Bà đã có yêu cầu về chia nợ chung gửi đến Tòa án nhưng việc Tòa án không xem xét là ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà. Tòa án nhân dân huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện việc tổng đạt lần thứ hai mà bà vẫn vắng mặt không lý do. Bà cho rằng việc này là hoàn toàn không có cơ sở, bởi lẽ bà vẫn sống trên địa bàn xã D, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh, việc Tòa án tổng đạt, gửi thư mời bà hoàn toàn không biết cũng không được thông báo. Đây là vụ kiện quan trọng, ảnh hưởng đến cuộc sống của bà cũng như các con nên về bản chất bà không thể không tham gia để từ bỏ quyền lợi của mình được. Hơn nữa trong quá trình xét xử bà có duy nhất một lần hoãn phiên tòa và bà đã có đơn xin vắng mặt.

Do đó, bà kháng cáo toàn bộ bản án số 69/2018/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh hủy bản án số 69/2018/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh. Giao hồ sơ về Tòa án nhân dân huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại theo thủ tục chung nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà theo quy định của pháp luật.

Tháng 8/2018, Bà T có đơn tường trình kháng cáo bổ sung đề nghị được nuôi 02 con chung Đặng Lâm N và Đặng Như Y vì trong quá trình giải quyết ông T yêu cầu được nuôi trẻ Đặng Lâm N nhưng Tòa cấp sơ thẩm lại giao 02 con chung cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng tron khi ý kiến của các con đều có nguyện vọng được ở cùng nhau và ở với mẹ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Luật sư Đỗ Ngọc T và luật sư Trần Thị Ngọc N là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cũng như lời trình bày bổ sung của Bà T:

Thứ nhất: Về quan hệ hôn nhân: Bà T đồng ý ly hôn với ông T.

Thứ hai: Về tài sản chung và nợ chung: Rút kháng cáo.

Thứ ba: Đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm, giao 02 con Đặng Lâm N, sinh năm 2006 và Đặng Như Y, sinh năm 2008 cho Bà T được trực tiếp nuôi dưỡng, yêu cầu này của Bà T là hoàn toàn có cơ sở và có căn cứ bởi các lẽ sau đây:

- Điều kiện kinh tế: Bà T có mức thu nhập 27.000.000 đồng/1 tháng từ Hợp đồng lao động không xác định thời hạn số 01/2017 với Công ty TNHH Thương mại K với mức lương 17.000.000 đồng/1 tháng và 10.000.000 đồng/1 tháng tiền cho thuê đất với ông Lâm Phước M tại ấp P, thị trấn L, tỉnh H thuộc quyền sở hữu riêng của Bà T.

- Điều kiện về chỗ ở: Hiện nay, 03 mẹ con đang sinh sống tại căn nhà D12/2B Ấp 4, xã D, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh là nhà và đất được ông Lâm Quốc P tặng riêng cho Bà T có lập vi bằng số 15532/2017/VB-TPL ngày 27/10/2017 xác nhận tại Văn phòng thừa phát lại huyện M.

- Điều kiện giáo dục: Bà T là người trưởng thành từ môi trường giáo dục sư phạm, tháng 6/2013 bà được cấp chứng chỉ lý luận giáo dục và dạy học của trường Đại học X Thành phố Hồ Chí Minh. Hai năm qua trực tiếp nuôi dạy 02 con chung rất tốt cháu Đặng Lâm N năm học 2016- 2017 đạt thành tích hoàn toàn xuất sắc các nội dung học tập và rèn luyện năm 2017-2018 đạt danh hiệu học sinh giỏi. Cháu Đặng Như Y năm học 2016 – 2017 và năm 2017-2018 đều đạt thành tích hoàn thành xuất sắc các nội dung học tập và rèn luyện.

- Điều kiện thời gian: Luôn đảm bảo thời gian đưa đón và chăm sóc 02 con trong suốt 02 năm qua.

- Nguyên vọng của 02 con đều mong muốn được ở với mẹ.

- Về cấp dưỡng: Bà T có đủ thu nhập ổn định để nuôi 02 cháu nhưng ông T phải có trách nhiệm và nghĩa vụ đối với con cái sinh thành, đây là nhiệm vụ đối với người không trực tiếp nuôi con nhằm đảm bảo tốt hơn nữa về đời sống vật chất, kinh tế cho con cái trong học tập và trưởng thành, yêu cầu ông T cấp dưỡng 11.000.000 đồng/1 tháng/02 trẻ.

Lý do không chấp nhận ông T là người trực tiếp nuôi con: Ông T thường xuyên có hành vi bạo lực gia đình. Hành vi bạo lực của ông T đã được Bà T trình báo nhiều lần ra Công an xã D và tại đây ông T cũng đã thừa nhận rằng mình có hành vi bạo lực với Bà T, sự việc được Công an D lập văn bản số 03/TB- CA VLA ngày 08/01/2017. Hành vi đe dọa đánh con và từ con thể hiện trong clip quay gửi Hội đồng xét xử.

Luật sư Trần Thị Thu Hằng là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Tòa sơ thẩm giao ông T nuôi 02 con trẻ là hợp lý hợp tình bởi lẽ:

- Cấp sơ thẩm xem xét thu nhập 02 bên và các điều kiện khác, thu nhập Bà T cao số tiền 27.000.000 đồng trong đó số tiền 10.000.000 đồng/tháng là tiền cho thuê đất và số tiền 17.000.000 đồng/tháng là lương của Bà T nhưng Bà T vẫn cương quyết cấp dưỡng mỗi tháng 5,5 triệu/tháng/1 trẻ điều này cũng chứng tỏ rằng Bà T về điều kiện kinh tế và thu nhập chưa đảm bảo so với ông T thu nhập 45.000.000 đồng/tháng đều có xác nhận của có xác nhận của 03 nơi là Đại học Bách Khoa, Đại học Giao thông vận tải, Công ty Cổ phần phát triển công nghệ Việt Thanh.

- Bà T là nhân viên của Công ty TNHH Thương mại K ở Phan Huy Ích trong khi nơi ở là N là quá xa, Hợp đồng lao động không xác định thời hạn là không ổn định thời gian, giờ giấc đi làm không có thời gian thăm nom, chăm sóc gia đình và ảnh hưởng quyền lợi của các con. Trong khi ông T ở quận B thì điều kiện học tập các con cũng tốt hơn vì ở quận B có nhiều trường điểm, là trung tâm giải trí, điều kiện thuận lợi hơn trong việc giao 02 con nuôi dưỡng.

- Xét thấy cha mẹ đều có quyền được chăm sóc nuôi dạy giáo dục con thì ông T có điều kiện tốt hơn Bà T, có thời gian đưa đón con đi học trong khi Bà T giao phó cho Trung tâm giữ không chăm sóc được bằng cha mẹ. Ông T là giảng viên đại học có thời gian chăm sóc con tốt, điều kiện gia đình là công chức viên chức, là gia đình có truyền thống giáo dục được ghi nhận tại địa phương ở Đ, hiện đang có chỗ ở ổn định. Trong trường hợp đi công tác thì có gia đình là mẹ và các anh chị em lo cho các cháu, ông T cũng không đi công tác thường xuyên. Bà T cũng đi công tác tại Hà Nội thể hiện tại đơn xin hoãn phiên tòa, khi Bà T đi công tác thì không có người trông coi con..

- Về tư tưởng: Bà T có tư tưởng không tốt đối với Nhà nước, có thái độ coi thường thầy cô, coi thường nhà trường, có lần xúi giục con nói tục với cô giáo.

- Ý kiến của 02 trẻ không phải là do tự nguyện, ý chí của các cháu mà là do cha mẹ yêu cầu nói ra, không phải ý kiến của các con.

Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự bác yêu cầu kháng cáo của Bà T về việc yêu cầu được nuôi 02 con, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Nguyên đơn ông Đặng Xuân T trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên án sơ thẩm giao 02 con chung Đặng Lâm N và Đặng Như Y cho ông được trực tiếp nuôi dưỡng. Đơn kháng cáo và đơn tường trình kháng cáo của Bà T là hoàn toàn sai sự thật, bịa đặt và cố tình làm nhục, bôi nhọ danh dự của ông.

Đề nghị Tòa án không xem xét nguyên nhân dẫn đến ly hôn mà chỉ xem xét các điều kiện và chứng cứ liên quan đến việc giành quyền nuôi con. Đề nghị tiến hành xác minh tại Công an xã D, Hội phụ nữ xã D và Tổ dân phố cũng hàng xóm quanh nhà về việc có hay không có bạo lực gia đình. Việc bạo hành gia đình trong thông báo của Công an xã D nêu là do mâu thuẫn gia đình nhưng không đến mức phải xử lý mà chỉ yêu cầu các bên làm cam kết không để xảy ra các trường hợp tương tự nhằm đảm bảo an ninh trật tự tại địa phương.

Đề nghị Tòa án yêu cầu Bà T cung cấp chứng cứ chứng minh thu nhập hàng tháng và xác minh các thu nhập này vì Bà T không có công ăn việc làm thu nhập hàng tháng bằng cách lấy tiền do ông đem về và cho vay nặng lãi và có nhận may gia công túi quần áo, khẩu trang với thu nhập khoảng 2.000.000 đồng/tháng.

Đề nghị Tòa án cho giám định chữ viết trên 02 đơn của 02 cháu gửi Tòa vì đây là chữ viết của cháu Lâm N viết theo lời lẽ của Bà T.

Đề nghị Tòa án cho xem xét tại nơi các cháu theo học, thậm chí các tiệm tạp hóa, văn phòng phẩm, nhà sách, hàng giày dép hay cửa hàng ăn quanh trường việc học của các con Bà T hoàn toàn không chú ý đến. Mọi thứ liên quan đến học tập của các con thì do 01 mình ông phục trách.

Đề nghị Tòa án cho xác minh tại hàng xóm nơi Bà T và các con cư ngụ hiện nay cũng như tại khu vực lớp bán trú mà các con ông ở đó hàng ngày. Hiện nay, 02 con ông ở cùng mẹ, do mẹ đưa đón con đi học. Từ khi ông và Bà T ly thân cũng là nỗi khổ tâm của ông vì bị sức ép từ Bà T như đòi hỏi về tiền bạc, không muốn con ông nhìn thấy cảnh đổ máu xảy ra giữa cha mẹ hàng ngày (ngày 24/7/2016 Bà T dùng dao chém ông chảy máu rất nhiều và con ông là người cầm giữ để lau máu của ông suốt từ trong nhà bếp ra đến ngoài đường). Do các cháu đang học tại D và Bà T luôn dọa sẽ cùng con ra đường cho xe cán cết nên ông phải để các cháu ở cùng mẹ và lui tới chăm sóc hàng ngày. Trong suốt thời gian từ khi ông và Bà T ly thân đến nay, ông vẫn mua tất cả những nhu yếu phẩm, đồ dùng học tập, vui chơi, đóng tiền học... cho các con ông và ông còn cung cấp thêm tiền mặt 8.000.000 đồng mỗi tháng để gián tiếp nuôi Bà T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

Việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán chủ tọa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về “Nguyên tắc xét xử, thành phần hội đồng xét xử, sự có mặt của các thành viên trong hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa; Phạm vi xét xử phúc thẩm” tại phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận kháng cáo của bà Lâm Ngọc T, sửa bản án sơ thẩm 69/2018/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh; Giao 02 con chung Đặng Lâm N, sinh ngày 18/11/2006 và Đặng Như Y, sinh ngày 18/4/2008 cho Bà T được trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo ngày 18/6/2018 bà Lâm Ngọc T nộp trong thời hạn luật định và đã đóng tạm ứng án phí phúc thẩm ngày 12/6/2018, là phù hợp với quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên đơn kháng cáo được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

1/ Thủ tục tố tụng: Ngày 08/8/2018, Tòa án nhân dân huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quyết định số 311/2017/QDXXST-HNGĐ đưa vụ án ra xét xử, thời gian mở phiên tòa là 08 giờ 00 phút ngày 30/8/2017. Ngày

30/8/2018, Tòa án nhân dân huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quyết định hoãn số 222/2017/QĐST-HNGĐ ngày 30/8/2017, lý do hoãn phiên tòa là bà Lâm Ngọc T vắng mặt, có đơn xin hoãn. Tòa án đã tổng đạt quyết định hoãn này cho ông Đặng Xuân T bà Lâm Ngọc T theo biên bản tổng đạt ngày 06/9/2017 (bút lục 125). Ngày 06/4/2018, Tòa án nhân dân huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành quyết định số 149/2018/QĐXXST-HNGĐ đưa vụ án ra xét xử, thời gian mở phiên tòa vào lúc 14 giờ 30 phút ngày 23 tháng 4 năm 2018. Quyết định đưa vụ án ra xét xử này đã được tổng đạt cho ông Đặng Xuân T bà Lâm Ngọc T tại biên bản tổng đạt ngày 13/4/2018 (bút lục số 128).

Ngày 23/4/2018, Tòa án nhân dân huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định hoãn số 138/2018/QĐST-HNGĐ ngày 23/4/2018 để hoãn phiên tòa đồng thời ấn định thời gian phiên tòa xét xử lại là vào lúc 14 giờ 00 phút ngày 22/5/2018. Lý do hoãn là do bà Lâm Ngọc T vắng mặt tại phiên tòa và có đơn yêu cầu hoãn phiên tòa. Quyết định hoãn này đã được tổng đạt cho ông Đặng Xuân T bà Lâm Ngọc T theo biên bản tổng đạt ngày 04/5/2018 (bút lục 137). Như vậy, Bà T đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ. Việc tổng đạt văn bản tố tụng của Tòa án đối với đương sự là đúng quy định của pháp luật.

2/ Nội dung:

Quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào giấy đăng ký kết hôn số 78 do Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện X, tỉnh Đ cấp ngày 18/8/2005 có đủ cơ sở để xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Đặng Xuân T và bà Lâm Ngọc T là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa, Bà T thay đổi nội dung kháng cáo: Về quan hệ hôn nhân: Bà T đồng ý ly hôn với ông T, về tài sản chung và nợ chung: Rút kháng cáo nên Hội đồng xét xử giữ nguyên các phần này của án sơ thẩm.

Con chung: Quá trình chung sống, ông bà có 02 con chung là Đặng Lâm N, sinh ngày 18/11/2006 và Đặng Như Y, sinh ngày 18/4/2008. Tại phiên tòa sơ thẩm ông T Bà T đều đưa ra các tài liệu chứng cứ chứng minh điều kiện nuôi con tốt và mong muốn được trực tiếp nuôi 02 con chung. Xét yêu cầu kháng cáo của Bà T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Án sơ thẩm nhận định: "...Bà T yêu cầu ông T cấp dưỡng mỗi tháng 5,5 triệu/tháng/1 trẻ điều này chứng tỏ rằng Bà T về điều kiện kinh tế và thu nhập chưa được đảm bảo so với ông T..." là không có cơ sở bởi lẽ xét về điều kiện kinh tế ông T có thu nhập 45.000.000 đồng/tháng (có 03 giấy xác nhận thu nhập Đại học K, Đại học G và Công ty cổ phần phát triển công nghiệp V) còn Bà T thu nhập 27.000.000 đồng/tháng từ hợp đồng không xác định thời hạn số 01/2017 ký với Công ty TNHH Thương mại K với mức lương 17.000.000 đồng và 10.000.000 đồng/tháng là tiền cho thuê 02 thửa đất do bà đứng tên với ông Lâm Phước M tại ấp P, Thị trấn L, tỉnh B. Với thu nhập trên thì cả 02 đều đảm bảo điều kiện nuôi cho 02 trẻ.

Điều kiện về chỗ ở: Ông T đang sinh sống tại số 14 C, Phường 1, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh là nhà của em trai Đặng Hồng K cho sinh sống nhưng cũng đã ổn định từ 2016 cho đến nay. Bà T hiện sinh sống tại D12/2B Ấp 4 xã

D, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh là nhà được ông Lâm Quốc P tặng riêng cho Bà T (có vi bằng số 15532/VP-TPL ngày 27/10/2017 xác lập tại Văn phòng Thừa phát lại huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh). Điều này thể hiện cả 02 đều có chỗ ở ổn định để lo cho 02 trẻ.

Đối với hành vi bạo lực gia đình: Tại phiên tòa cũng như các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ các bên cung cấp đều cho rằng có hành vi bạo lực, tuy nhiên các bên đều không thừa nhận và các chứng cứ này do các bên tự thu thập nên chưa có cơ sở kết luận có hay không có hành vi bạo lực gia đình nhưng đều thể hiện có những mâu thuẫn dẫn đến việc hai bên xô xát có đến công an để trình báo và từ thời điểm 01/9/2016 hai bên đã không còn xảy ra tình trạng trên. Xét đây chỉ là mâu thuẫn gia đình khi còn chung sống, cả hai đã cam kết không để xảy ra các trường hợp tương tự nhằm đảm bảo an ninh trật tự tại địa phương nên Tòa án không xem xét đó là điều kiện để giao con trực tiếp nuôi dưỡng.

Đối với việc lấy lời khai của 02 trẻ: Tại cấp sơ thẩm đã tiến hành lập biên bản ghi nhận ý kiến của 02 cháu Nguyên và Ý, hai cháu đều mong muốn được ở với mẹ nếu ba mẹ ly hôn, đều có xác nhận chữ ký của ông T và Bà T là đúng theo quy định pháp luật tại Điều 81 Luật Hôn nhân Gia đình về việc xem xét nguyện vọng của con trên 07 tuổi nhưng xét đây chỉ có tính chất tham khảo, Hội đồng xét xử cần đánh giá thêm các điều kiện nuôi con khác.

Tại phiên tòa phúc thẩm, cả hai đều thừa nhận do mâu thuẫn nên 02 người đã sống ly thân thì tháng 9/2016 và từ thời điểm đó Bà T trực tiếp nuôi 02 con chung Đăng Lâm N và Đăng Như Y tại D12/2B Ấp 4, xã D, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh. Cả hai đều cho rằng mình là người bỏ ra tất cả chi phí học hành, sinh hoạt của 02 con nhưng không có tài liệu chứng cứ chứng minh nào, điều này thể hiện ông T và Bà T cùng lo cho các con. Đồng thời, trong suốt thời gian 02 năm được Bà T trực tiếp nuôi dưỡng và ông T chăm sóc 02 cháu đều đã có thành tích học tập rất tốt. Cháu Đăng Lâm N năm học 2016- 2017 đã đạt thành tích hoàn thành xuất sắc các nội dung học tập và rèn luyện, năm học 2017-2018 cháu đạt danh hiệu học sinh giỏi. Cháu Đăng Như Y năm học 2016- 2017 và năm học 2017- 2018 đều đạt thành tích xuất sắc các nội dung học tập và rèn luyện chứng tỏ 02 cháu học tập rất tốt không đúng như lời trình bày của ông T cho rằng thực chất có kết quả như vậy là do ông là trưởng ban đại diện cha mẹ học sinh liên tục nhiều năm nên các cháu được ưu ái chứ không phải thành tích thực sự điều này ông T cũng không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh nên không có căn cứ để xem xét. Hiện nay, 02 cháu cũng đang sinh sống và học tập tại huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của trẻ, tránh xáo trộn nề nếp sinh hoạt, học tập, sinh sống... có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn sửa án sơ thẩm, giao 02 con chung cho Bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và quy định pháp luật cũng như lời đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Bà T, không chấp nhận lời trình bày của ông T cũng như lời trình bày của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T.

Đối với cấp dưỡng nuôi con chung: Bà T yêu cầu ông T cấp dưỡng 11.000.000 đồng/1 tháng/02 trẻ. Tại phiên tòa ông T cũng đồng ý với mức cấp dưỡng nếu Hội đồng xét xử giao 02 con cho Bà T nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử ghi nhận mức cấp dưỡng nêu trên theo thỏa thuận của các đương sự được quy định tại Điều 108 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Quyền, nghĩa vụ của cha mẹ trực tiếp, không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Do Bà T vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, không có trình bày ý kiến các yêu cầu của mình nên Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm do có tình tiết mới, cấp sơ thẩm không có lỗi.

Tài sản chung và nợ chung: Bà T đã rút yêu cầu kháng cáo này nên giữ nguyên án sơ thẩm.

Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Bà Lâm Ngọc T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận.

Án phí về cấp dưỡng nuôi con: Ông T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 296, Khoản 2 Điều 308, 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015,

Căn cứ Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội Ban hành quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận kháng cáo của bà Lâm Ngọc T; Sửa bản án sơ thẩm số 69/2018/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh, tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Ông Đặng Xuân T được ly hôn với bà Lâm Ngọc T.

Giấy đăng ký kết hôn số 78 do Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện X, tỉnh Đ cấp ngày 18/8/2005 cho ông Đặng Xuân T và bà Lâm Ngọc T không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Con chung: Giao 02 con chung là Đặng Lâm N, sinh ngày 18/11/2006 và Đặng Như Y, sinh ngày 18/4/2008 cho bà Lâm Ngọc T trực tiếp trông nom, chăm

sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận ông T đồng ý mức cấp dưỡng 11.000.000 đồng/tháng/02 trẻ cho đến tuổi trưởng thành kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật. Thực hiện tại cơ quan Thi hành án có thẩm quyền.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Bà T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông T nếu ông T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích; Cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của ông Đặng Xuân T và đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của bà Lâm Ngọc T. Các đương sự được quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

Nợ chung: Các đương sự yêu cầu được giải quyết bằng 01 vụ án khác nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đặng Xuân T phải chịu số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí cấp dưỡng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 13.200.000 (Mười ba triệu hai trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2016/0033344 ngày 17/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh. Hoàn cho ông T số tiền 12.600.000 (Mười hai triệu sáu trăm ngàn) đồng.

Hoàn cho bà Lâm Ngọc T số tiền tạm ứng án phí 5.000.000 (Năm triệu) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0020487 ngày 25/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn cho bà Lâm Ngọc T số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2018/0005254 ngày 12/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP HCM;
- Viện kiểm sát Cấp cao tại TP HCM,
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. HCM
- Tòa án nhân dân huyện N, TP HCM;
- Chi cục THADS huyện N, TP HCM;
- Các đương sự (để thi hành)
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Phan Thị Minh Nguyệt